TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH PHÚ YÊN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **43**/2021/HS-PT	
Ngày: 31/8/2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Việt Hùng;

Các thẩm phán: Ông Lương Quang và bà Lê Thị Thái Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nin - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 21/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Tống Hữu Tr do có kháng cáo của bị cáo Tống Hữu Tr đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2021/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Bị cáo có kháng cáo: **Tống Hữu Tr**, sinh năm 1981 tại tỉnh Phú Yên; nơi ĐKTT: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nguyên chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã A, huyện T, bị cách chức và cho thôi việc ngày 06/9/2017, đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 01/12/2020; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Tống Văn H, sinh năm 1958; Mẹ: Trần Thị Mỹ K, sinh năm 1958; Vợ: Hồ Thị Như L, sinh năm 1991; bị cáo có 01 con, con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Tống Hữu Tr: Bà Trần Thị Như Thủy – luật sư Văn phòng luật sư Dân Phúc, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Trần Minh S không thực hiện khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự theo lệnh của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện T nên vào ngày 01 tháng 8 năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Minh S.

Cùng ngày 01 tháng 8 năm 2016, Trần Minh S đến Ủy ban nhân dân xã A nộp phạt và gặp Tống Hữu Tr là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã A. Tại đây, Tr nói với S nếu trốn nữa thì sẽ bị phạt tù, lúc này S nghĩ Tr có thể giúp S không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự trong những năm tiếp theo nên đã nhờ Tr giúp đỡ, Tống Hữu Tr biết rõ mình không có thẩm quyền quyết định được S có tham gia hay không tham gia nghĩa vụ quân sự nhưng vẫn nhận lời, hai bên thống nhất thỏa thuận S sẽ đưa số tiền 15.000.000 đồng để Tr lo việc S không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự.

Chiều ngày 01 tháng 8 năm 2016, Tống Hữu Tr mượn thẻ ATM có số tài khoản 4602205001747 của Phan T là Bí thư xã đoàn A cung cấp cho Trần Minh S, S mượn tiền có trong thẻ ATM có số tài khoản 0106554886 của Nguyễn Minh T để chuyển khoản và Tr đã nhận được 3.000.000 đồng

Đến ngày 04 tháng 8 năm 2016 Tống Hữu Tr tiếp tục mượn số tài khoản 4602215036177 của Dương Minh Hoàng Th là trưởng Công an xã An Định để cung cấp cho Sơn, Sơn sử dụng thẻ ATM của mình có số tài khoản 0109965914 chuyển khoản và Trung đã nhận 12.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền của Trần Minh S, Tống Hữu Tr không thực hiện lời hứa và thực tế cũng không quen biết, không nhờ ai giúp đỡ S nên đến tháng 11 năm 2016 S tham gia khám sức khỏe và trúng tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2017. Tr tiếp tục dùng lời nói để trấn an S là an tâm thực hiện nghĩa vụ quân sự, khi lên đến đơn vị đóng quân Tr sẽ nhờ người giúp đỡ S xuất ngũ. Tháng 2 năm 2017, S nhập ngũ tại Đại đội 3, Tiểu đoàn 16, Sư đoàn 10, Quân đoàn 3 tại tỉnh K nhưng không thấy đơn vị trả về như Tr đã hứa. Biết mình bị Tống Hữu Tr lừa nên ngày 11 tháng 3 năm 2017 S đào ngũ, đi khỏi địa phương rồi gọi điện về nhà nhờ cha là Trần Đình Ch, sinh năm 1949, trú tại thôn P, xã A, huyện T tố cáo hành vi của Tống Hữu Tr. Sau khi bị tố cáo, Tống Hữu Tr trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho ông Trần Đình Ch.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bị cáo Tống Hữu Tr phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" áp dụng điểm d khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Tống Hữu Tr 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/02/2021, bị cáo Tống Hữu Tr kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Tống Hữu Tr trình bày lời bào chữa: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu có thành tích cứu người dân trong đợt lũ lụt năm 2009 đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Tống Hữu Tr tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại Trần Minh S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 8 năm 2016 đến ngày 04/8/2016 tại xã A, huyện T Tống Hữu Tr đang giữ chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã A, biết rõ mình không có thẩm quyền quyết định việc Trần Minh S có trúng tuyển nghĩa vụ quân sự hay không nhưng vẫn nhận lời giúp cho S không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự và chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng của Trần Minh S nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Tống Hữu Tr về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm d, khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội.

[2] *Xét kháng cáo của bị cáo Tống Hữu Tr Hội đồng xét xử thấy:* Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại; trong quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen, có cậu ruột và dì ruột là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo quy định tại điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng minh bị cáo có tham gia với chính quyền địa phương cứu người trong đợt lũ năm 2009. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nhưng mức hình phạt 01 năm tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là đã có phần nhẹ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa mà chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên - Giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[3] Bị cáo Tống Hữu Tr kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tống Hữu Tr – Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên bố: Bị cáo Tống Hữu Tr phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Tống Hữu Tr – 01**(Một) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Tống Hữu Tr phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND huyện T (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Công an huyện T (2)
- Sở tư pháp (1);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Hùng